

THỰC TRẠNG NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH

Lê Phương Ngọc
Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức

Tóm tắt: Kỹ năng nói là một trong những kỹ năng quan trọng nhất khi học tiếng Anh. Nhiều sinh viên tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức gặp khó khăn trong việc phát triển kỹ năng này. Nghiên cứu khảo sát 200 sinh viên cho thấy trở ngại lớn nhất là tìm từ vựng phù hợp. Sinh viên cũng gặp vấn đề với cách sắp xếp từ, sự trôi chảy, và mở rộng câu. Bốn giải pháp được đề xuất gồm thực hành nhiều hơn, phát triển tài liệu, nâng cao sự tự tin và sử dụng công cụ hỗ trợ.

Từ khóa: kỹ năng nói, khó khăn sắp xếp từ vựng, nâng cao tự tin nói Tiếng Anh, công cụ hỗ trợ nói

CHALLENGES IN DEVELOPING ENGLISH-SPEAKING SKILLS AMONG STUDENTS AT THU DUC COLLEGE OF TECHNOLOGY

Le Phuong Ngoc
Thu Duc College of Technology

Abstract: Speaking skills are among the most important skills in learning English, yet many students at Thu Duc College of Technology struggle to develop them. A survey of 200 students found that the biggest challenge is finding appropriate vocabulary, along with issues in word arrangement, fluency, and sentence expansion. To address this, four solutions are proposed: increasing practice, developing learning materials, enhancing confidence, and utilizing supportive tools.

Keywords: Speaking skills, challenges in word arrangement, enhancing confidence in English speaking, supportive speaking tools

Nhận bài: 16/03/2025

Phản biện: 08/04/2025

Duyệt đăng: 13/04/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kỹ năng nói là một trong những kỹ năng quan trọng nhất trong việc học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, ngôn ngữ quốc tế phổ biến nhất hiện nay. Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh mang lại lợi ích không chỉ trong học tập mà còn trong sự nghiệp và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, nhiều sinh viên tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức gặp phải những khó khăn đáng kể trong quá trình phát triển kỹ năng nói, ảnh hưởng đến kết quả học tập và cơ hội nghề nghiệp của họ.

Thực tế cho thấy, mặc dù chương trình giảng dạy tiếng Anh tại trường đã chú trọng đến kỹ năng giao tiếp, nhưng phần lớn sinh viên vẫn chưa đạt được trình độ nói lưu loát. Những hạn chế phổ biến bao gồm thiếu vốn từ vựng, khó khăn trong việc sắp xếp câu từ hợp lý, thiếu sự tự tin khi nói, và tâm lý lo sợ mắc lỗi. Những yếu tố này làm giảm hiệu quả giao tiếp của sinh viên và tạo ra rào cản trong quá trình học tập.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện với 200 sinh viên thuộc nhiều khoa khác nhau tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức. Đối tượng khảo sát bao gồm sinh viên từ năm nhất đến năm ba, nhằm thu

thập dữ liệu về những khó khăn mà họ gặp phải trong kỹ năng nói tiếng Anh.

2.1.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu được thu thập thông qua bảng khảo sát trực tuyến. Bảng khảo sát được thiết kế với hai phần chính:

Phần 1: Thông tin cá nhân (giới tính, khoa/ngành học, năm học)

Phần 2: Các câu hỏi đánh giá mức độ khó khăn khi nói tiếng Anh

Trong bảng khảo sát, thang đo Likert 5 mức độ được sử dụng để đo lường mức độ khó khăn của sinh viên trong các khía cạnh khác nhau, từ 1 (Hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (Hoàn toàn đồng ý).

2.1.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu từ bảng khảo sát được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS, trong đó các giá trị trung bình (Mean) và độ lệch chuẩn (Standard Deviation) được tính toán để xác định mức độ khó khăn của từng khía cạnh.

Để kiểm tra sự khác biệt giữa các nhóm, nghiên cứu sử dụng phân tích phương sai một chiều (ANOVA) và kiểm định t-test nhằm so sánh mức độ khó khăn theo giới tính, khoa/ngành và năm học.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Kết quả khảo sát những khó khăn chính của sinh viên

Kết quả kiểm định thống kê cho thấy rằng các yếu tố như giới tính, khoa/ngành học và năm học có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ khó khăn mà sinh viên gặp phải trong quá trình phát triển kỹ năng nói tiếng Anh.

Cụ thể, kiểm định t-test đối với yếu tố giới tính cho thấy giá trị t-statistic là -2.35 với mức ý nghĩa p-value = 0.019. Điều này chứng tỏ rằng có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nam và nữ trong mức độ khó khăn khi nói tiếng Anh.

Đối với kiểm định ANOVA theo yếu tố khoa/ngành, giá trị F-statistic là 5.72 với p-value = 0.004, cho thấy có sự khác biệt đáng kể giữa các khoa trong việc đánh giá mức độ khó khăn khi nói tiếng Anh.

Tương tự, kiểm định ANOVA theo yếu tố năm học cho kết quả F-statistic = 3.89 với p-value = 0.021, khẳng định rằng có sự khác biệt giữa các năm học về mức độ khó khăn khi phát triển kỹ năng nói.

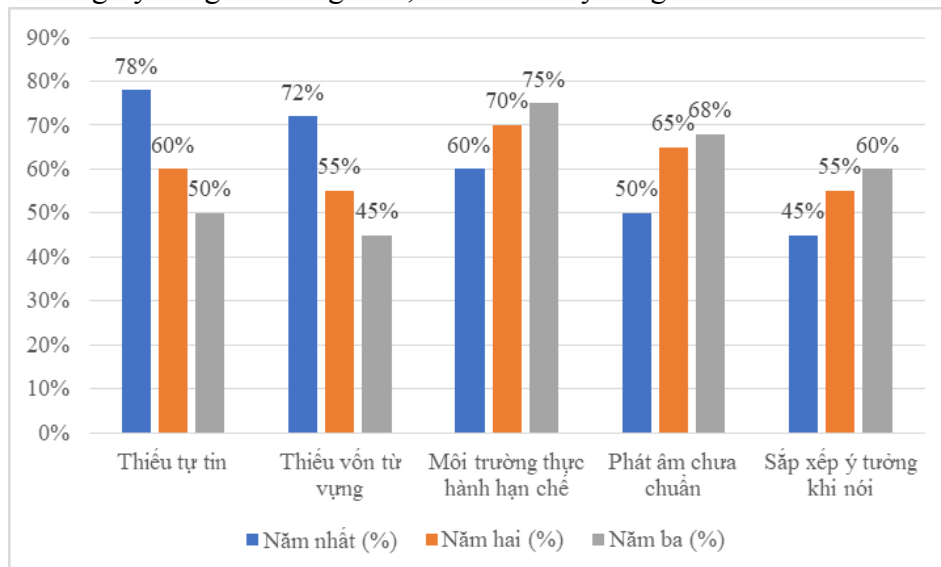
Như vậy, từ kết quả thống kê trên, có thể kết luận rằng các yếu tố giới tính, khoa/ngành và năm học đóng vai trò quan trọng trong việc ảnh hưởng đến khả năng phát triển kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên.

Kết quả khảo sát cho thấy rằng sinh viên gặp nhiều khó khăn trong kỹ năng nói tiếng Anh, với

tỷ lệ cao nhất (75%) là do thiếu môi trường thực hành. Ngoài ra, tâm lý e ngại, sợ sai (68%) và hạn chế về từ vựng và ngữ pháp (60%) cũng là những trở ngại lớn. Các vấn đề khác như phát âm chưa chuẩn (55%) và khó khăn trong sắp xếp ý tưởng khi nói (50%) cũng ảnh hưởng đáng kể đến khả năng giao tiếp của sinh viên.

Mức độ khó khăn trong kỹ năng nói Tiếng Anh theo giới tính cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa sinh viên nam và nữ về mức độ khó khăn khi phát triển kỹ năng nói tiếng Anh. 72% sinh viên nữ cảm thấy e ngại khi nói tiếng Anh trước đám đông, trong khi con số này ở sinh viên nam là 63%. Tuy nhiên, sinh viên nam gặp khó khăn nhiều hơn trong việc duy trì động lực học tập. Ngoài ra, sinh viên nữ thể hiện mức độ lo lắng cao hơn khi giao tiếp trong các tình huống chính thức.

Kết quả thu thập cho thấy mức độ khó khăn trong kỹ năng nói tiếng Anh có sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm sinh viên thuộc các khoa/ngành khác nhau. Cụ thể, sinh viên theo học các ngành Kỹ thuật, bao gồm Công nghệ Thông tin và Cơ khí, báo cáo mức độ khó khăn cao nhất trong việc thực hành nói tiếng Anh. Ngược lại, sinh viên theo học ngành Du lịch – Khách sạn gặp ít khó khăn hơn khi rèn luyện kỹ năng nói tiếng Anh. Đáng chú ý, nhóm sinh viên thuộc ngành Ngoại ngữ ghi nhận mức độ khó khăn thấp nhất trong việc phát triển kỹ năng nói.



Biểu đồ 3: Mức độ khó khăn trong kỹ năng nói Tiếng Anh theo năm học

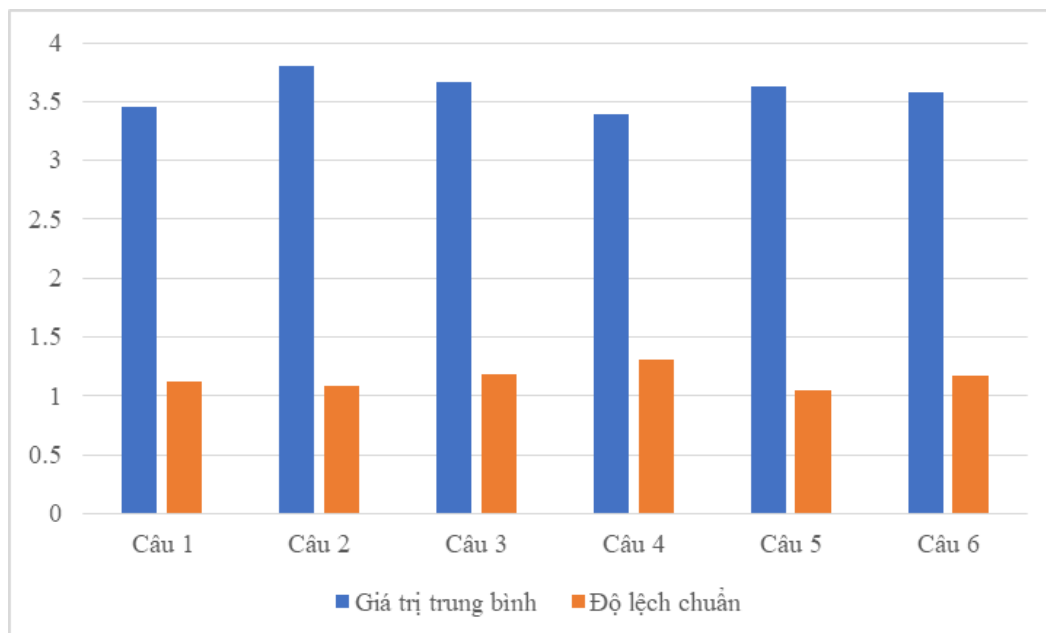
Biểu đồ 3 minh họa sự khác biệt về những khó khăn trong quá trình phát triển kỹ năng nói tiếng Anh giữa các sinh viên thuộc các năm học khác nhau. Dữ liệu cho thấy sinh viên năm nhất chủ yếu gặp trở ngại về tâm lý e ngại và thiếu vốn từ vựng, trong khi sinh viên năm hai và năm ba đối

mặt với những thách thức lớn hơn liên quan đến môi trường thực hành và phát âm.

2.2.2. Kết quả thống kê mô tả từng câu hỏi

Dưới đây là bảng thống kê giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của từng câu hỏi:

Câu hỏi	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Câu 1: Khi nói tiếng Anh trước lớp, tôi thường cảm thấy lo lắng đến mức ảnh hưởng đến khả năng diễn đạt.	3.45	1.12
Câu 2: Tôi gặp khó khăn trong việc tìm từ vựng phù hợp để diễn đạt ý tưởng bằng Tiếng Anh.	3.80	1.09
Câu 3: Tôi thường không biết cách sắp xếp từ vựng để nói một cách rõ ràng và mạch lạc.	3.67	1.19
Câu 4: Vì sợ nói sai, tôi thường chọn cách im lặng thay vì cố gắng diễn đạt ý.	3.39	1.31
Câu 5: Trong các tình huống nói, tôi không biết cách bắt đầu hoặc mở rộng ý tưởng một cách hiệu quả.	3.63	1.05
Câu 6: Tôi không thể giữ cho phần nói của mình trôi chảy và tự nhiên.	3.58	1.17



Biểu đồ 3: Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của từng câu hỏi khảo sát

Biểu đồ 3 cho thấy câu hỏi được đánh giá là khó khăn nhất là Câu 2 (Tôi gặp khó khăn trong việc tìm từ vựng phù hợp để diễn đạt ý tưởng bằng tiếng Anh) với giá trị trung bình là 3.80. Điều này cho thấy nhiều sinh viên gặp trở ngại trong việc lựa chọn từ vựng phù hợp khi nói tiếng Anh. Trong khi đó, câu hỏi được đánh giá là ít khó khăn nhất là Câu 4 (Vì sợ nói sai, tôi thường chọn cách im lặng thay vì cố gắng diễn đạt ý) với giá trị trung bình là 3.39. Điều này cho thấy tuy sinh viên có lo ngại về việc mắc lỗi, nhưng phần lớn vẫn cố gắng diễn đạt thay vì hoàn toàn im lặng.

III. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng sinh viên gặp nhiều khó khăn trong kỹ năng nói tiếng Anh do thiếu môi trường thực hành, tâm lý e ngại và hạn chế về từ vựng, ngữ pháp. Các yếu tố như giới tính, khoa/ngành và năm học cũng ảnh hưởng đáng kể. Sinh viên nữ lo lắng hơn khi giao tiếp, trong khi sinh viên nam gặp khó khăn trong việc duy trì động lực học. Sinh viên các khoa Kỹ thuật đối mặt với nhiều trở ngại hơn so với ngành Du lịch – Khách sạn và Ngoại ngữ. Đặc biệt, sinh viên năm nhất gặp vấn đề về tâm lý và vốn từ,

còn sinh viên năm hai và ba gặp khó khăn về thực hành và phát âm.

Để khắc phục những khó khăn này, cần triển khai bốn giải pháp mang tính chiến lược. Một là, tăng cường cơ hội thực hành thông qua các hoạt động ngoại khóa và câu lạc bộ nói tiếng Anh, giúp sinh viên có môi trường sử dụng ngôn ngữ trong thực tế. Hai là, phát triển tài liệu học tập với trọng

tâm là giao tiếp thực tiễn sẽ hỗ trợ sinh viên trong quá trình rèn luyện kỹ năng nói. Ba là, chú trọng đến yếu tố tâm lý bằng cách khuyến khích sinh viên tham gia các khóa học nhằm tăng cường sự tự tin khi giao tiếp. Bốn là, tận dụng các công cụ hỗ trợ học tập như ứng dụng luyện nói và diễn đàn thảo luận để sinh viên có thêm nguồn tài nguyên nâng cao kỹ năng nói một cách hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brown, H. D. (2007). *Principles of Language Learning and Teaching* (5th ed.). Pearson Education.
2. Derwing, T. M., & Munro, M. J. (2015). *Pronunciation Fundamentals: Evidence-Based Perspectives for L2 Teaching and Research*. John Benjamins.
3. Horwitz, E. K. (2001). Language anxiety and achievement. *Annual Review of Applied Linguistics*, 21, 112-126. <https://doi.org/10.1017/S0267190501000071>
4. Zhang, X. (2019). Exploring the relationship between language anxiety and speaking performance: A meta-analysis. *English Language Teaching*, 12(10), 22-30. <https://doi.org/10.5539/elt.v12n10p22>
5. Wang, Z. (2014). An analysis on the causes of English-speaking anxiety among Chinese ESL learners. *Journal of Language Teaching and Research*, 5(6), 1236-1242. <https://doi.org/10.4304/jltr.5.6.1236-1242>